

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết Đơn vị Phí đơn kỳ
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Trao gửi niềm tin,
đầu tư sáng suốt



TRAO GỬI NIỀM TIN – ĐẦU TƯ SÁNG SUỐT

MỤC LỤC

| | TRANG |
|---|-------|
| THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM | 2 |
| TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ PHÍ ĐƠN KỲ NĂM 2020 VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ NĂM 2021 | 7 |
| CÁC BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUÝ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2020 | 14 |
| XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH KPMG | 16 |



THÔNG ĐIỆP TỪ BAN GIÁM ĐỐC DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Quý Khách hàng thân mến,

Năm 2020 vừa qua là một năm thử thách lịch sử do tác động của đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, với tiềm lực tài chính vững mạnh, Dai-ichi Life Việt Nam tiếp tục phát huy sứ mệnh để vượt qua thách thức và đã về đích với kết quả kinh doanh khả quan: tổng doanh thu phí đạt 15.610 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2019, tiếp tục giữ vững vị thế là một trong ba công ty BHNT nước ngoài có thị phần tổng doanh thu lớn nhất trên thị trường Việt Nam. Tính đến ngày 31/12/2020, tổng tài sản do Dai-ichi Life Việt Nam quản lý đạt hơn 36.500 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của Dai-ichi Life Việt Nam đạt trên 1.300 tỷ đồng.

Trải qua hành trình 14 năm mang đến sự an tâm tài chính cho hơn 3,6 triệu khách hàng và gia đình, uy tín thương hiệu Dai-ichi Life Việt Nam không ngừng được củng cố và nâng cao qua các giải thưởng danh giá: “Top 20 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2020”, “Top 10 Công ty Bảo hiểm Nhân thọ uy tín năm 2020”, “Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam”, “Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2020”...

Là thương hiệu bảo hiểm nhân thọ hàng đầu Nhật Bản, Dai-ichi Life Việt Nam không ngừng sáng tạo, cải tiến sản phẩm và chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, chú trọng áp dụng công nghệ số vào mọi hoạt động nhằm mang đến cho khách hàng sự thuận tiện tối đa và những trải nghiệm thú vị.

Đặc biệt, được hỗ trợ kinh nghiệm đầu tư từ Tập đoàn Dai-ichi Life, sản phẩm An Thịnh Đầu Tư của Dai-ichi Life Việt Nam vẫn tiếp tục phát huy thế mạnh của một giải pháp đầu tư tài chính hàng đầu, an toàn và hiệu quả. Kết hợp hài hòa giữa tính năng bảo vệ tài chính của bảo hiểm, đồng thời mang đến cơ hội gia tăng giá trị tài sản thông qua sự linh hoạt trong lựa chọn đầu tư vào ba Quỹ liên kết tùy chọn, An Thịnh Đầu Tư mang đến những quyền lợi vượt trội cùng sự linh hoạt chủ động, giúp khách hàng dễ dàng thiết lập kế hoạch tài chính hiệu quả, phù hợp với từng giai đoạn cuộc sống.

Với báo cáo thường niên này, chúng tôi xin cập nhật đến Quý Khách tình hình hoạt động khả quan của các Quỹ trong năm qua. Chúng tôi hy vọng Quý Khách sẽ hài lòng và an tâm khi “Trao gửi niềm tin - Đầu tư sáng suốt” cùng Dai-ichi Life Việt Nam.

Kinh tế Việt Nam đang hồi phục cùng với triển vọng tăng trưởng trong năm 2021. Mặt khác, thành công của Chính phủ trong việc phòng ngừa và kiểm soát dịch Covid-19 đã góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên thế giới, giúp Việt Nam trở thành trái tim Châu Á - điểm đến an toàn và hấp dẫn của nhà đầu tư nước ngoài. Đây sẽ là điểm cộng rất lớn cho tương lai nền kinh tế và là cơ hội vàng để thị trường chứng khoán tiếp tục phát triển thuận lợi trong năm 2021 và các năm tới.

Với đội ngũ chuyên gia chuyên nghiệp, nhanh nhạy bắt kịp xu thế thị trường, chúng tôi luôn tìm kiếm và chọn lọc cơ hội đầu tư tốt nhất cho Quý khách. Trung thành với triết lý kinh doanh “Khách hàng là trên hết”, Dai-ichi Life Việt Nam cam kết mang đến những giá trị tối ưu, giúp khách hàng tích lũy, gia tăng giá trị tài sản một cách hiệu quả, lâu dài và bền vững để đảm bảo một cuộc sống bình an và tương lai tươi sáng.

Thay mặt Ban lãnh đạo cùng toàn thể đội ngũ nhân viên Dai-ichi Life Việt Nam và Công ty Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, tôi xin chân thành cảm ơn Quý khách đã luôn đồng hành cùng Dai-ichi Life Việt Nam trong suốt thời gian qua, cũng như đã tin tưởng lựa chọn sản phẩm An Thịnh Đầu Tư để đầu tư và bảo vệ kế hoạch tài chính cho bản thân và những người thân yêu.

Kính chúc Quý khách cùng gia đình thật nhiều Sức khỏe, Bình an, Hạnh phúc và Thịnh vượng.



Trân trọng,
Trần Đình Quân
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2020

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ LỢI NHUẬN CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ PHÍ ĐƠN KỲ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch COVID-19. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP đạt 2,91%. Năm 2020 cũng là năm thị trường chứng khoán Việt Nam tăng mạnh nhất kể từ đợt suy giảm vào năm 2018. Song song đà tăng trưởng chung của thị trường, giá trị tài sản của các Quỹ Thịnh Vượng cũng đã có mức tăng trưởng tương ứng trong năm.

Từ khi thành lập các Quỹ liên kết đơn vị - Phí Đơn Kỳ (10/2016) đến cuối năm 2020, hoạt động đầu tư của các quỹ nhìn chung phản ánh đúng xu hướng tăng trưởng dài hạn của thị trường. Cụ thể, tính từ khi thành lập đến ngày 31/12/2020, Quỹ Thịnh Vượng đạt tỷ suất sinh lời 65,03% (tương đương 12,72%/năm) Trong năm 2020, Quỹ Thịnh Vượng đã đạt được tốc độ tăng trưởng tốt với tỷ suất 19,60% cao hơn VN Index (14,87%) + 4.73%. Bên cạnh đó, Quỹ Đảm Bảo đạt tỷ suất lợi nhuận thấp hơn nhưng ổn định, 22,64% (tương đương 5,00%/năm).

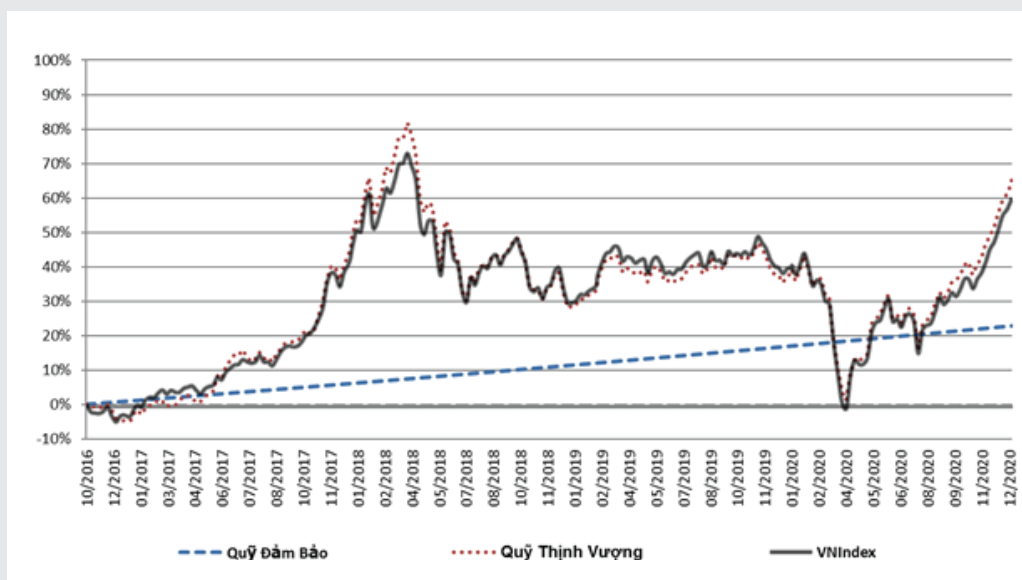
Bảng bên dưới thể hiện tỷ suất sinh lời của các Quỹ

| Tỷ suất sinh lời | Quỹ Đảm Bảo | Quỹ Thịnh Vượng | VN Index |
|------------------------------|-------------|-----------------|----------|
| 2016* | 0,89% | -4,70% | -1,30% |
| 2017 | 5,00% | 52,64% | 48,03% |
| 2018 | 5,00% | -11,78% | -9,32% |
| 2019 | 5,00% | 7,53% | 7,67% |
| 2020 | 5,00% | 19,60% | 14,87% |
| Tỷ suất sinh lời quy năm | 5,00% | 12,72% | 12,53% |
| Từ 03/06/2015 đến 31/12/2020 | 22,64% | 65,03% | 63,87% |

* Từ 26/10/2016 đến 31/12/2016

Lưu ý: Tỷ suất sinh lời đã được khấu trừ các chi phí quản lý quỹ và chi phí đầu tư trực tiếp Biểu đồ bên dưới thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các quỹ

Biểu đồ bên dưới thể hiện sự dao động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị của các Quỹ





Danh sách 05 cổ phiếu tiêu biểu trong danh mục đầu tư của các Quỹ

| CỔ PHIẾU | CÔNG TY | NHÓM NGÀNH | TỶ TRỌNG (% NAV) |
|----------|--|----------------------------|------------------|
| VCB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam | Tài Chính - Ngân Hàng | 6,58% |
| VIC | Tập đoàn Vingroup | Bất Động Sản - Tập Đoàn | 6,15% |
| VHM | Công ty Cổ phần Vinhomes | Bất Động Sản - Nhà Ở | 5,23% |
| VNM | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam | Tiêu Dùng - Thực Phẩm, Sữa | 4,61% |
| BID | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | Tài Chính - Ngân Hàng | 4,05% |

(Số liệu cập nhật tại ngày 31/12/2020)

Mục tiêu, chính sách và lĩnh vực đầu tư của các Quỹ

| Tên Quỹ | Mục tiêu | Chính sách và rủi ro đầu tư | Lĩnh vực đầu tư |
|------------------------|---------------------------------------|--|---|
| Quỹ Đảm Bảo | Tạo thu nhập ổn định. | Chính sách đầu tư: Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có thu nhập ổn định. Rủi ro đầu tư: Thấp | Trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập ổn định khác mà pháp luật cho phép. |
| Quỹ Thịnh Vượng | Tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. | Chính sách đầu tư: Đầu tư chủ yếu vào các danh mục đầu tư có tiềm năng tăng trưởng vốn cao. Rủi ro đầu tư: Cao | Cổ phiếu chưa niêm yết, các cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công cụ tài chính khác mà pháp luật cho phép. |



QUỸ ĐẢM BẢO

Quỹ này có lợi suất tăng trưởng cố định với tỷ lệ lợi nhuận là 5%/ năm. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có thu nhập ổn định.

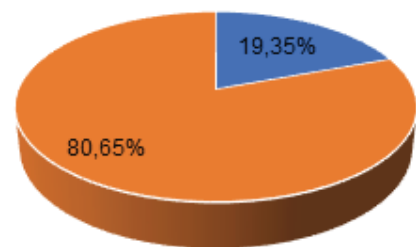
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Đảm Bảo tăng từ 11.955,18 đồng tại cuối năm 2019 lên 12.554,62 đồng tại cuối năm 2020, tăng 5,00%. Quỹ này chỉ đầu tư vào những khoản thu nhập ổn định và được đảm bảo lợi suất cố định nên tính biến động và rủi ro rất thấp.

QUỸ THỊNH VƯỢNG

Quỹ này có mục tiêu tăng trưởng cao từ trung đến dài hạn. Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản bằng tiền đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao, đồng thời Quỹ cũng phân bổ một phần đầu tư vào các tài sản mang lại thu nhập ổn định

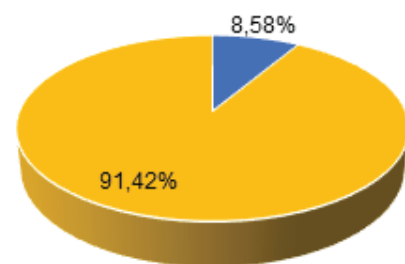
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Quỹ Thịnh Vượng tăng từ 13.798,11 đồng tại cuối năm 2019 đồng lên đến 16.503,18 đồng tại cuối năm 2020, tương ứng tăng 19,60%. Quỹ này đạt được lợi suất cao từ sự đầu tư hiệu quả vào các cổ phiếu tốt, tuy nhiên tính biến động và rủi ro của quỹ này cũng cao tương ứng.

QUỸ ĐẢM BẢO



▪ Tiền gửi có kỳ hạn ▪ Trái phiếu chính phủ

QUỸ THỊNH VƯỢNG



▪ Tiền mặt ▪ Cổ phiếu



CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Phí quản lý Quỹ

| | TỶ LỆ | SỐ TIỀN |
|------------------------|--------------|----------------|
| Quỹ Đảm Bảo | (*) | 481.168.996 |
| Quỹ Thịnh Vượng | 2,00% | 56.597.659 |

(*) Khoản chênh lệch giữa mức tăng trưởng thực tế của Quỹ Đảm Bảo và mức tăng trưởng đảm bảo.

Phí đầu tư trực tiếp

| | SỐ TIỀN |
|------------------------|----------------|
| Quỹ Đảm Bảo | 621.940 |
| Quỹ Thịnh Vượng | 6.897.119 |

CỔ TỨC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CỔ TỨC ĐẾN TÀI SẢN RÒNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Quỹ Đảm Bảo và Quỹ Thịnh Vượng là quỹ không chia cổ tức nên các quỹ này sẽ không phân chia cổ tức cho các Chủ hợp đồng.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG 2020 VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ 2021

Kinh tế Việt Nam duy trì tăng trưởng dương trong bối cảnh đại dịch, nhưng vẫn giữ được ổn định vĩ mô. Tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

| Chỉ số | 2020 | 2021F |
|---|-------|-------|
| Tăng trưởng kinh tế (GDP - %) | 2,91% | 6,70% |
| Lạm phát (CPI bình quân YoY - %) | 3,23% | 3,00% |
| Tỷ giá (VND tăng/giảm giá so với USD) | 0,2% | 0,5% |
| Tăng trưởng tín dụng (%) | 12,1% | 12,6% |
| Tổng phương tiện thanh toán (M2) | 14,6% | |
| Thặng dư thương mại (tỷ USD) | 19,1 | 21,4 |
| Giải ngân vốn FDI (tỷ USD) | 20,0 | 22 |
| Dự trữ ngoại hối (tỷ USD) | 98 | 110 |
| Lợi suất trái phiếu chính phủ 5-năm (%) | 1,26 | |

Các yếu tố tạo nên kết quả ấn tượng này của Việt Nam bao gồm: (1) dịch Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới (2) lòng tin của người dân và doanh nghiệp vào sự hồi phục kinh tế trong nước và trên thế giới, triển vọng sản xuất và triển khai tiêm chủng vắc-xin đã bắt đầu ở một số nước (3) các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ để doanh nghiệp khôi phục sản xuất và ổn định đời sống người dân, (4) Tác động tích cực của các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, đặc biệt là các Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Châu Âu (EVFTA) có hiệu lực 08/2020.

Bối cảnh và triển vọng kinh tế năm 2021

Những sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trong năm 2021: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII vào tháng 1 và bầu cử Quốc hội khóa XV vào tháng 5. Đây cũng là năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm mới giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân 6,5-7%.

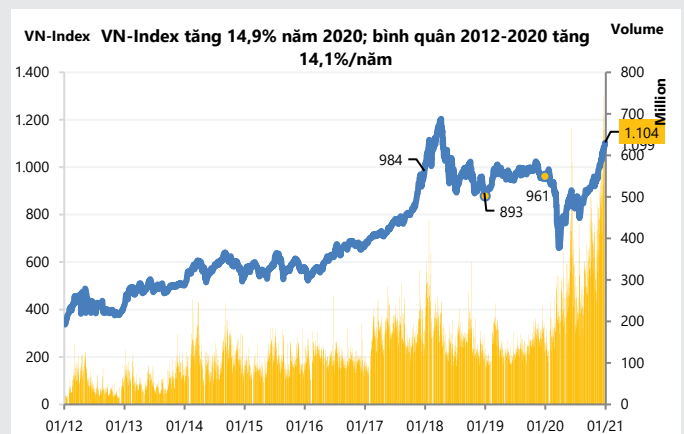
Cải cách kinh tế và môi trường kinh doanh tiếp tục được thực hiện, trong đó nhiều bộ luật mới có hiệu lực từ năm 2021 như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Hợp tác công tư (PPP) ... Quá trình cải cách Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) tiếp tục được thực hiện với quyết tâm của Chính phủ trong việc tháo gỡ những vướng mắc tồn đọng liên quan đến định giá doanh nghiệp và thủ tục cổ phần hóa (IPO).

Rủi ro tái bùng phát dịch bệnh Covid-19 và tác động của nó đến triển vọng hồi phục kinh tế thương mại trong nước và quốc tế vẫn hiện hữu. Do vậy, Chính phủ có thể vẫn duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng và tài khóa mở rộng để hỗ trợ nền kinh tế. Các động lực tăng trưởng chính bao gồm sản xuất trong nước và nhu cầu tiêu dùng nội địa đã cho thấy tín hiệu hồi phục nhanh chóng; dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) dự báo sẽ tăng mạnh trở lại sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát và các hạn chế được dỡ bỏ; bên cạnh các tác động tích cực từ việc triển khai các Hiệp định thương mại tự do.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2020 đầy biến động do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 với mức tăng về điểm số cao nhất kể từ tháng 04/2018. Kết thúc phiên giao dịch 31/12, chỉ số **VN-Index** đạt 1.103,87 điểm, **tăng 14,9%** so với đầu năm. Các yếu tố động lực thúc đẩy thị trường bao gồm tăng trưởng kinh tế duy trì đà hồi phục tích cực, môi trường lãi suất thấp và đặc biệt, niềm tin của nhà đầu tư tăng lên mạnh mẽ khi Việt Nam rất thành công trong việc khống chế đại dịch và triển vọng hồi phục kinh tế toàn cầu lạc quan hơn khi kế hoạch sản xuất và tiêm chủng vắc-xin ngừa Covid-19 dần định hình rõ nét.

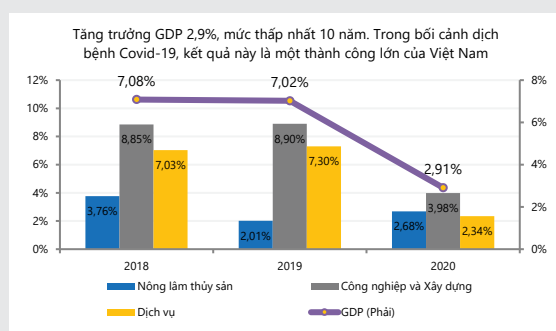
| Tăng trưởng VN-Index theo năm, giai đoạn (2012 - 2020) | | | | | | | | Bình quân năm (CAGR) | |
|--|-------|------|------|-------|-------|-------|------|----------------------|-------|
| 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | | 2020 |
| 17,7% | 22,0% | 8,1% | 6,1% | 14,8% | 48,0% | -9,3% | 7,7% | 14,9% | 14,1% |

| THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN | 2020 | vs. 2019 |
|--|----------|----------|
| VN-Index (điểm) | 1.103,87 | 14,9% |
| Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VNĐ) | 5.294 | 20,8% |
| - HSX | 4.081 | 24,4% |
| - HNX | 212 | 10,6% |
| - UpCOM | 1.001 | 9,7% |
| Giá trị giao dịch bình quân (nghìn tỷ VNĐ) | 7,57 | 61,5% |
| Chỉ số định giá (PE trượt cuối năm 2020) | 18,4 | - |
| Giao dịch NĐT nước ngoài (nghìn tỷ VNĐ) | -16,3 | Bán ròng |



(Nguồn: HSX, DFCN Tổng hợp)

Triển vọng kinh tế khả quan hơn sau đại dịch



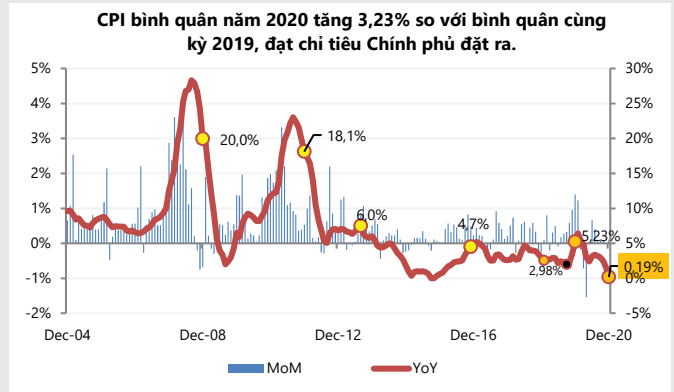
(Nguồn: Tổng cục thống kê (TCTK), DFCN tổng hợp)

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế năm 2020, *khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản* tăng 2,68% (cao hơn mức 2% của năm 2019); *khu vực công nghiệp và xây dựng* tăng 3,98% trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82%; *Khu vực dịch vụ* tăng 2,34%, mức tăng thấp nhất của các năm 2011-2020 do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại và dịch vụ.

Chính phủ Việt Nam đã cho thấy khả năng kiểm soát dịch bệnh Covid-19, đồng thời các biện pháp tài khóa, môi trường lãi suất thấp và các yếu tố hỗ trợ khác tiếp tục được duy trì, niềm tin của người dân-người tiêu dùng, của

doanh nghiệp và nhà đầu tư vào triển vọng tích cực khôi phục tăng trưởng kinh tế cả trong nước và quốc tế sau đại dịch. Trên cơ sở đó, mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5% của Chính phủ năm 2021 dự báo có thể đạt được.

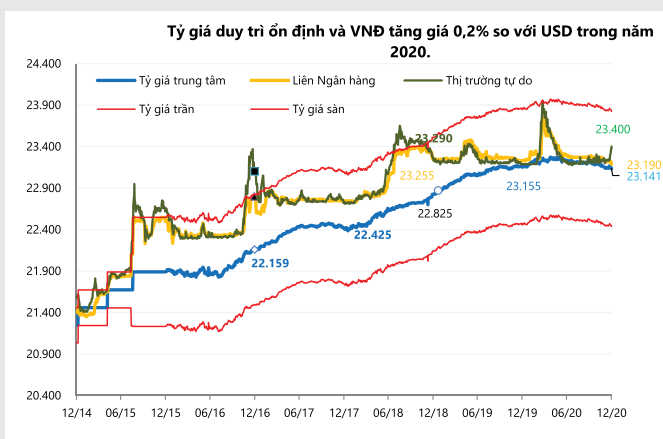
Lạm phát được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là CPI dưới 4%. Các chuyên gia dự báo, CPI bình quân năm 2021 ở mức khoảng 3%, thấp hơn mục tiêu “dưới 4%” của Chính phủ. Tuy nhiên, các yếu tố dự báo làm tăng CPI có thể kể đến bao gồm giá dầu trên thị trường quốc tế tăng, giá dịch vụ khám chữa bệnh, học phí tăng theo lộ trình, căng thẳng địa chính trị toàn cầu ảnh hưởng đến giá cả hàng hóa.



(Nguồn: Tổng cục thống kê (TCTK), DFVN tổng hợp)

Mặt bằng *lãi suất duy trì ổn định* ở mức thấp trong năm 2020 để hỗ trợ doanh nghiệp. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã kiên định trong kiểm soát lạm phát nhưng vẫn cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế và doanh nghiệp nhờ thanh khoản dồi dào của hệ thống ngân hàng. Trữ lượng huy động cho tiền gửi kỳ hạn dưới 6 tháng ở mức 4% (hiệu lực từ 09/2020) dự báo khó có thể hạ thấp hơn nữa vì sẽ gây áp lực lên lạm phát, tỷ giá và biên lợi nhuận của ngân hàng.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn duy trì giải ngân khả quan bất chấp những hạn chế do dịch bệnh. Tổng vốn FDI vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019. Vốn FDI thực hiện năm 2020 ước tính đạt gần 20 tỷ USD, giảm 2% so với năm trước. Niềm tin của nhà đầu tư quốc tế được củng cố khi Việt Nam chứng tỏ khả năng kiểm soát dịch bệnh, hạn chế tối đa thiệt hại, duy trì tăng trưởng và đặt biệt, duy trì ổn định vĩ mô; Sự chủ động hội nhập và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu thông qua các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt gần đây là các Hiệp định CPTPP, EVFTA và RCEP, bên cạnh các lợi thế cạnh tranh khác về nguồn nhân lực, vị trí địa lý chiến lược, Việt Nam vẫn sẽ là điểm đến hấp dẫn của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2021 và những năm tiếp theo.



Tiền đồng tăng giá nhẹ khoảng 0,2% so với USD trong năm 2020. Tỷ giá liên ngân hàng ở mức 23.190 đồng/USD vào ngày 31/12, so với mức 23.230 đồng/USD hồi đầu năm 2020. Tỷ giá duy trì ổn định và VNĐ tăng giá so với USD nhờ thặng dư thương mại hàng hóa cao (19,1 tỷ USD), giải ngân vốn FDI (20 tỷ USD) và kiều hối khoảng 15,4 tỷ USD, đồng thời USD giảm giá trên thị trường tiền tệ quốc tế. NHNN có điều kiện thuận lợi để tiếp tục nâng dự trữ ngoại hối của Việt Nam lên mức 98 tỷ USD (so với 79 tỷ USD năm 2019) vào cuối năm 2020. Với nguồn cung USD dự báo tiếp tục dồi dào, xu hướng giảm giá của USD trên thế giới vẫn duy trì và những thay đổi trong chính sách ngoại hối của NHNN để tránh bị gán mác thao túng tiền tệ, các chuyên gia dự báo VNĐ có thể tăng giá nhẹ khoảng 0,2% - 0,5% so với USD trong năm 2021.

Bên cạnh việc kiểm soát tốt sự lây lan của đại dịch Covid-19, quyết tâm của Chính phủ trong việc đẩy mạnh *giải ngân vốn đầu tư công*, chi tiêu công và nỗ lực của doanh nghiệp trong hoạt động *xuất nhập khẩu hàng hóa* là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2020, ước tính đạt 466,6 nghìn tỷ đồng, bằng 91,1% kế hoạch năm và tăng 34,5% so với năm trước. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính *xuất siêu* 19,1 tỷ USD, giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay. Đây là kết quả ấn tượng trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như thế giới chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và sự đứt gãy thương mại toàn cầu. Kinh tế toàn cầu kỳ vọng sớm hồi phục và triển vọng xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục khởi sắc trong năm 2021. Bên cạnh đó, hiệu lực của các Hiệp định

thương mại tự do như CPTPP và EVFTA sẽ giúp kim ngạch thương mại quốc tế của Việt Nam với các quốc gia thành viên này tăng lên trong năm 2021. Tuy nhiên, diễn biến dịch bệnh và triển vọng triển khai Vaccine Covid-19 vẫn là yếu tố rủi ro đối với sự hồi phục kinh tế và tiêu dùng toàn cầu; đồng thời, nếu Mỹ tăng thuế đánh lên hàng hóa Việt Nam xuất sang thị trường này liên quan đến cáo buộc thao túng tiền tệ.

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (TTCK) NĂM 2020

Thị trường Chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2020 đầy biến động do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 với mức tăng về điểm số cao nhất kể từ tháng 04/2018. Kết thúc phiên giao dịch 31/12, chỉ số **VN-Index** đạt 1.103,87 điểm, **tăng 14,9%** so với đầu năm. Kết quả này tốt hơn so với TTCK một số quốc gia trong khu vực ASEAN như Thái Lan SET (giảm -8,3%), Indonesia JCI (giảm -5,1%), Philippines PCOMP (giảm -8,6%) trong năm 2020. Các yếu tố động lực thúc đẩy thị trường bao gồm tăng trưởng kinh tế duy trì đà hồi phục tích cực, môi trường lãi suất thấp và đặc biệt, niềm tin của nhà đầu tư tăng lên mạnh mẽ khi Việt Nam rất thành công trong việc khống chế đại dịch và triển vọng hồi phục kinh tế toàn cầu lạc quan hơn khi kế hoạch sản xuất và tiêm chủng vắc-xin ngừa Covid-19 dần định hình rõ nét.

Quy mô vốn hóa của cả ba sàn đạt 5.294 nghìn tỷ đồng tương đương 229 tỷ USD, tăng +20,8% so với năm 2019. *Thanh khoản* tiếp tục lập kỷ lục trong tháng 12/2020, nhờ dòng tiền mạnh từ nhà đầu tư mới trong nước, với giá trị giao dịch bình quân (khớp lệnh) trên cả ba sàn đạt gần 15 nghìn tỷ/phiên (~640 triệu USD). Tính chung cả năm 2020, giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 7,6 nghìn tỷ đồng, tăng 62% so với năm 2019. Theo số liệu từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), trong năm 2020, có gần 394 nghìn tài khoản nhà đầu tư trong nước được mở, so với mức 189 nghìn tài khoản của cả năm 2019. Tổng số lượng tài khoản của nhà đầu tư trong nước tính đến 31/12 là hơn 2,7 triệu. Trong khi đó, *nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng* với giá trị khoảng 109 triệu USD trong tháng 12. Lũy kế từ đầu năm, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng khoảng 804 triệu USD so với mức mua ròng 305,6 triệu USD trong năm 2019.

Triển vọng thị trường chứng khoán 2021

Nhiều chuyên gia phân tích đưa ra nhận định tích cực về triển vọng TTCK Việt Nam trong năm 2021 với những yếu tố chính thúc đẩy thị trường tăng trưởng như sau:

Thứ nhất, *dòng vốn cá nhân trong nước tiếp tục là lực đỡ chính trên TTCK Việt Nam năm 2021*. Năm 2020 chứng kiến sự tham gia mạnh mẽ của nhóm nhà đầu tư cá nhân, đặc biệt nhóm nhà đầu tư mới F0. Tài khoản cá nhân trong nước hiện chiếm đến 78,7% tổng giá trị giao dịch, so với mức 70% năm 2019. Tổng số lượng tài khoản chứng khoán chỉ mới chiếm 2,8% dân số cả nước, thấp hơn nhiều so với các quốc gia khác trong khu vực. Do vậy, tiềm năng thị trường vẫn còn rất lớn và xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư sang TTCK dự báo sẽ vẫn tiếp tục trong năm 2021 do (1) môi trường lãi suất thấp tác động trực tiếp làm thay đổi khẩu vị đầu tư của NĐT (2) trong khi đó, các kênh đầu tư khác như bất động sản đang trong giai đoạn trầm lắng, thị trường vàng vẫn bị kiểm soát và là kênh đầu tư rủi ro cao, kênh trái phiếu doanh nghiệp đang bị siết lại với các quy định tham gia chặt chẽ hơn.

Thứ hai, *cơ hội nâng hạng thị trường của Việt Nam tiếp tục có những bước tiến mới*. Năm 2021 được coi là năm bản lề trong việc tái cấu trúc và nâng tầm sự phát triển của thị trường chứng khoán với Luật Chứng khoán sửa đổi, Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Đầu tư 2020 sẽ đồng thời có hiệu lực từ 01/01/2021. Điều này sẽ giúp (1) tạo môi trường kinh doanh phù hợp chuẩn mực quốc tế, (2) Nâng cao tính minh bạch, (3) tháo gỡ nhiều vướng mắc liên quan đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, (4) phát triển các sản phẩm mới quan trọng như giao dịch T+0, bán chứng khoán chờ về, Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR), Hợp đồng tương lai và quyền chọn. Những thay đổi trên đây là tiền đề giúp TTCK Việt Nam thỏa mãn được các tiêu chí nâng hạng thị trường, thu hút dòng vốn ngoại dài hạn vào Việt Nam.

Thứ ba, *định giá TTCK Việt Nam đang ở mức khá hấp dẫn tương đối* trong bối cảnh các NHTW sẽ duy trì chính sách điều hành lãi suất ở mức thấp trong 1-2 năm tới để hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế; triển vọng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết dự báo hồi phục tăng trưởng tích cực trong năm 2021. Bên cạnh đó, với nền tảng vĩ mô ổn định, minh chứng về khả năng chống chịu và kiểm soát dịch bệnh Covid-19 tốt và khả năng nâng hạng thị trường là những nhân tố làm cho TTCK Việt Nam hấp dẫn hơn so với các quốc gia cùng hạng trong khu vực. Dự báo VN-Index có thể vượt qua ngưỡng tâm lý quan trọng 1.200 điểm vào cuối năm 2021.

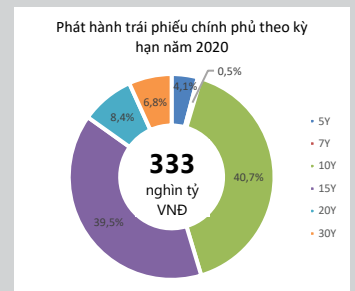
Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, đó là dịch Covid-19 được kiểm soát và những tiến triển tích cực trong việc sản xuất và thực hiện tiêm chủng vắc-xin trên diện rộng. Việc áp dụng "Hộ chiếu vắc-xin" ở một số nước cũng mang lại hy vọng hồi phục nhanh hơn cho một số ngành/doanh nghiệp như du lịch, hàng không, xuất nhập khẩu và các hoạt động giao thương quốc tế khác.



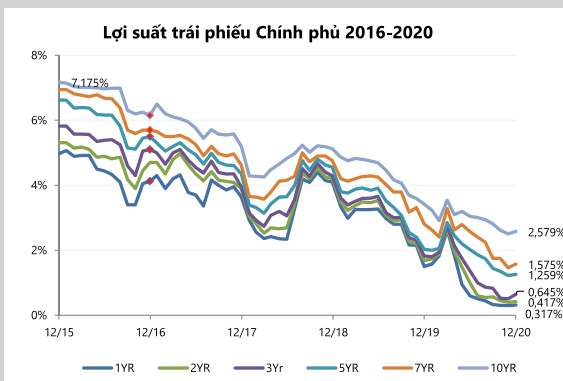
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ 2020

Lợi suất trái phiếu chính phủ giảm mạnh trong xu thế hạ lãi suất – nới lỏng chính sách tiền tệ của các Ngân hàng Trung ương (NHTW) nhằm hỗ trợ nền kinh tế do tác động của đại dịch Covid-19.

Trong năm 2020, Kho bạc Nhà nước đã phát hành khoảng 333 nghìn tỷ đồng trái phiếu chính phủ (TPCP), tăng 68% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 267 nghìn tỷ phát hành cho kỳ hạn dài 10 và 15 năm, tương đương 80% tổng giá trị phát hành trong năm. Lãi suất trúng thầu có xu hướng giảm ở tất cả các kỳ hạn so với đầu năm: lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 và 15 năm giảm lần lượt 0,43% và 0,33% và giảm từ 0,4%-0,6% ở các kỳ hạn còn lại.



(Nguồn: VBMA, DFCV Research)



(Nguồn: Bloomberg, DFCV Research)

Trong năm 2021, nhu cầu phát hành TPCP dự báo tăng lên khoảng 350 nghìn tỷ đồng, tập trung phát hành TPCP kỳ hạn dài (10-15 năm) chiếm khoảng 70%, đồng thời với lãi suất phát hành bình quân cũng ở mức hợp lý.

Trên thị trường thứ cấp, lợi suất giảm mạnh, thanh khoản tăng mạnh dịp cuối năm khi dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát. Quy mô TPCP niêm yết đạt khoảng 1,3 triệu tỷ đồng (tăng 13% so với 2019). Giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 10,5 nghìn tỷ đồng/phiên (tăng 14% so với 2019). Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng khiêm tốn 5.675 tỷ đồng TPCP trên thứ cấp, chủ yếu ở kỳ hạn dưới 5-năm.

Kết thúc năm 2020, lợi suất TPCP các kỳ hạn giảm mạnh so với cuối năm 2019. Cụ thể, TPCP kỳ hạn 1-năm, 3-năm, 5-năm, 7-năm, 10-năm và 15-năm, lần lượt là 0,32%/năm (giảm 1,18%), 0,65%/năm (giảm 1,18%), 1,26%/năm (giảm 0,77%), 1,58%/năm (giảm 1,23%), 2,58%/năm (giảm 0,84%), và 2,78%/năm (giảm 0,83%) theo số liệu của Bloomberg.

Triển vọng thị trường TPCP năm 2021

Trong năm 2021, lợi suất TPCP dự báo vẫn trong xu hướng giảm nhưng mức độ không lớn như năm 2020, dựa trên các nhận định kinh tế vĩ mô duy trì ổn định và thanh khoản dồi dào.

- Kinh tế vĩ mô ổn định tạo nền tảng tích cực cho thị trường TPCP. Trong đó, tăng trưởng kinh tế ở mức khả quan; các cân đối vĩ mô chính như lạm phát, tỷ giá, lãi suất được điều hành linh hoạt hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế. Đây là tiền đề quan trọng để kỳ vọng thanh khoản dồi dào trên thị trường liên ngân hàng.

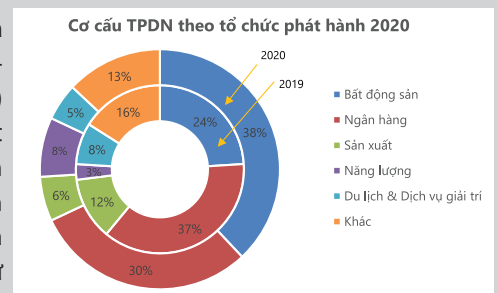
- **Chính sách tiền tệ nhất quán của NHNN.** Trong năm 2020, NHNN đã phối hợp hai công cụ lãi suất và tỷ giá nhằm đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Cụ thể, NHNN đã 3 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành, giảm trần lãi suất tiền gửi ngắn hạn và giảm trần lãi suất cho vay đối với lĩnh vực ưu tiên. NHNN cũng đã thực hiện mua vào lượng ngoại tệ lớn để nâng dự trữ ngoại tệ lên mức kỷ lục trong năm 2020. Trong năm 2021, thông điệp điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt vẫn nhất quán. Tuy nhiên, công cụ thực hiện và cách tiếp cận có sự thay đổi trong bối cảnh Việt Nam bị Bộ Tài chính Mỹ điều tra “thao túng tiền tệ”.

- **Nhu cầu đầu tư vào các kênh tài sản, trong đó có TPCP dự báo sẽ vẫn tiếp tục tăng trong năm 2021.** Trên thế giới, các NHTW cũng đã hành động quyết liệt trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bị thiệt hại nặng nề do tác động của đại dịch Covid-19. Các tổ chức quốc tế như Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) hay Ngân hàng thế giới (WB) đều đưa ra dự báo Covid-19 có thể đẩy nền kinh tế thế giới vào cuộc hoảng tột tệ nhất kể từ thế chiến thứ hai. Ngay cả khi có vắc-xin, nền kinh tế thế giới sẽ chỉ phục hồi một phần vào năm 2021 và sẽ mất 2-3 năm để trở về trạng thái trước khủng hoảng và con người sẽ cần phải làm quen với trạng thái “bình thường mới”, chung sống an toàn với dịch bệnh. Trong bối cảnh đó, nhiều khả năng các NHTW trên thế giới sẽ phải tiếp tục tăng cường hoặc ít nhất giữ nguyên các chính sách tiền tệ nới lỏng trong một vài năm nữa, bên cạnh việc thực thi các chính sách tài khóa mở rộng.

Thị trường Trái phiếu Doanh nghiệp (TPDN) 2020

Thị trường TPDN có sự tăng trưởng ấn tượng trong năm 2020 và dần trở thành một kênh huy động vốn trung hạn quan trọng của doanh nghiệp. Hoạt động phát hành TPDN diễn ra sôi động trong năm 2020 với giá trị phát hành đạt 429,5 nghìn tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2019. Nhờ đó, quy mô thị trường TPDN đạt 950,3 nghìn tỷ đồng, tương đương 15% GDP và 10,3% tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống ngân hàng.

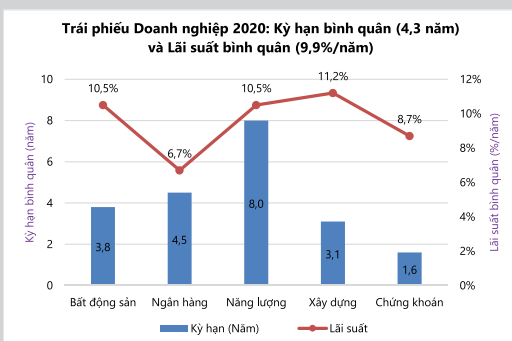
So sánh với một số thị trường trong khu vực ASEAN, quy mô thị trường TPDN của Việt Nam tính theo tỷ trọng GDP tại thời điểm cuối năm 2020 đã vượt qua Philippines (8,9%) và Indonesia (2,8%) nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với Thái Lan (22,7%) và Malaysia (54,3%) theo thống kê của FiinRatings. Mặc dù vậy, thị trường TPDN Việt Nam vẫn chỉ đang ở giai đoạn đầu của sự phát triển, khi thị trường sơ cấp chuyên biệt chưa hình thành, tổ chức phát hành và trái phiếu vẫn chưa được đánh giá tín nhiệm độc lập, hình thức phát hành chủ yếu vẫn là phát hành riêng lẻ và cơ cấu nhà đầu tư vẫn kém bền vững, chủ yếu là các ngân hàng thương mại, nhưng thiếu sự tham gia mạnh mẽ từ các quỹ đầu tư, quỹ hưu trí hay các định chế tài chính khác.



(Nguồn: FiinRatings)

TPDN được phát hành chủ yếu qua hình thức phát hành riêng lẻ (401 nghìn tỷ đồng), chiếm 93% tổng giá trị phát hành. Doanh nghiệp phát triển bất động sản vẫn là tổ chức phát hành lớn nhất với giá trị khoảng 162 nghìn tỷ (gấp đôi 2019).

Ngân hàng vẫn là nhà đầu tư (NĐT) lớn nhất, trong khi NĐT cá nhân đang tham gia đầu tư TPDN ngày càng tích cực hơn. Theo thống kê của Fiin Ratings, các ngân hàng thương mại hiện đang nắm giữ trên 70% tổng giá trị TPDN đang lưu hành. Trong bối cảnh lãi suất tiền gửi vẫn duy trì ở mức thấp, NĐT cá nhân chuyển sang kênh đầu tư TPDN tăng lên đáng kể trong năm 2020. Tính riêng trên thị trường sơ cấp, tỷ trọng NĐT cá nhân chiếm khoảng 13%, gần gấp đôi 2019. Các thay đổi về khung pháp lý – cụ thể tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định chỉ có NĐT chuyên nghiệp mới được tham gia mua trái phiếu phát hành riêng lẻ - sẽ hạn chế sự tham gia của NĐT cá nhân vào TPDN phát hành riêng lẻ (nhưng họ có thể mua lại TPDN này trên thị trường thứ cấp), hoặc họ sẽ tích hơn ở các TPDN phát hành ra công chúng.



Kỳ hạn bình quân của TPDN năm 2020 hiện ở mức 4,3 năm. Trong đó, kỳ hạn trái phiếu dài nhất thuộc về lĩnh vực năng lượng với mức trung bình 8 năm. Lãi suất phát hành bình quân năm 2020 ở mức 9,9%. Ngành Ngân hàng vẫn duy trì mức lãi suất phát hành thấp nhất ở mức bình quân 6,7% trong năm 2020 với kỳ hạn bình quân 4,5 năm.

Thị trường giao dịch TPDN thứ cấp chuyên biệt vẫn chưa được hình thành ở Việt Nam. Vì vậy, hiện nay các giao dịch TPDN thứ cấp được thực hiện qua ba hình thức chính (1) niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội HNX (giá trị niêm yết khoảng 2,7% tổng dư nợ TPDN theo mệnh giá), (2) qua nền tảng giao dịch của các tổ chức phân phối (công ty Chứng khoán), và (3) thỏa

thuận trực tiếp giữa các NĐT trên thị trường OTC. Thanh khoản của thị trường này vẫn ở mức rất khiêm tốn. Chính vì vậy, đầu tư TPDN Việt Nam, NĐT cần quan tâm đến yếu tố rủi ro cơ bản liên quan đến minh bạch thông tin về trái phiếu, lãi suất thực, tổ chức phát hành và rủi ro thanh khoản.



Nhận định Thị trường TPDN năm 2021

TPDN dần trở thành lựa chọn thay thế và là kênh huy động vốn trung hạn quan trọng của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, và đối với một số ngành bị hạn chế cấp tín dụng ngân hàng. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất đang duy trì ở vùng thấp và khung pháp lý dần hoàn thiện khuyến khích nhu cầu đầu tư vào TPDN tăng lên. Ở chiều ngược lại, kênh TPDN cũng sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc tái cấu trúc và đa dạng hóa nguồn huy động vốn của doanh nghiệp. Các quy định pháp lý mới sẽ khuyến khích phát hành ra công chúng nhiều hơn. Tuy nhiên, hình thức phát hành riêng lẻ vẫn sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị TPDN phát hành năm 2021.

LỜI KẾT

Diễn biến dịch bệnh Covid-19 vẫn còn những biến số chưa lường hết được và có thể làm đảo lộn các dự báo. Tuy nhiên, dựa trên những kết quả đạt được từ những nỗ lực và giải pháp toàn diện, trong nước và trên toàn cầu, đặc biệt là việc sản xuất và triển khai kế hoạch tiêm chủng vắc-xin Covid-19 trên quy mô toàn cầu sẽ góp phần đáng kể trong việc kiểm soát dịch bệnh, khôi phục hoạt động sản xuất, thương mại và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện bình thường mới. Trong bối cảnh đó, chúng ta có thể kỳ vọng mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2021 là có thể đạt được và các cận đối vĩ mô chính vẫn duy trì ổn định. Bên cạnh đó, môi trường lãi suất tiếp tục duy trì ở mức thấp, dòng tiền mạnh từ NĐT mới (F0) và chỉ số định giá TTCK Việt Nam được xem là hấp dẫn tương đối, TTCK Việt Nam kỳ vọng sẽ có một năm 2021 tăng trưởng tích cực về mặt điểm số và thanh khoản.

Covid-19 quá nguy hiểm! nhưng bên cạnh đó cũng còn những nhân tố rủi ro khác cần quan tâm trong năm 2021. Đó là sự bất định của các yếu tố quốc tế, chiến tranh thương mại, diễn biến giá dầu, căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ và Trung Quốc, khủng hoảng chính trị tại Myanmar và một số diễn biến quốc tế khác.

GHI CHÚ QUAN TRỌNG:

Thông tin trên đây dựa trên các nguồn dữ liệu được cho là đáng tin cậy và được công bố công khai. Ngoại trừ các thông tin về Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN), DFVN không cam kết về tính chính xác của các thông tin này. Các ý kiến, ước tính giả định diễn đạt trong bài viết này chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành bài viết này.

Các thông tin và ý kiến diễn đạt trong bài viết này không nhằm mục đích chào bán hay lời mời để chào mua hay bán bất kỳ loại chứng khoán hay bất kỳ sản phẩm chứng khoán phái sinh nào. Cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất kỳ công cụ tài chính nào cụ thể.

Đầu tư chứng khoán có rủi ro. Giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hay xuống. Kết quả đầu tư đạt được trong quá khứ, nếu có, không đảm bảo kết quả tương tự trong tương lai.



CÁC BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ NĂM 2020

BÁO CÁO PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

| | VND Số tiền |
|--|-------------------------|
| Tổng phí bảo hiểm (a) | 425.158.772.905 |
| Phí bảo hiểm cơ bản | 331.090.038.174 |
| Phí bảo hiểm đóng thêm | 94.068.734.731 |
| Quỹ mỗi rút ra của Quỹ Chủ sở hữu (b) | (48.550.133.127) |
| Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị (c) | 198.552.940.100 |
| Năm thứ nhất | 164.745.750.000 |
| Năm thứ hai | 18.684.540.700 |
| Năm thứ ba | 8.816.153.200 |
| Năm thứ tư | 5.281.698.600 |
| Năm thứ năm | 811.353.900 |
| Năm thứ sáu | 213.443.700 |
| Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị [(d) = (a) + (b) - (c)] | 178.055.699.678 |

| Quỹ | Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2020 | | | | Số phát sinh trong năm | | | Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2020 | | | |
|-----------------|-------------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|---------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------|------------------------|--|
| | VND | Số đơn vị quỹ | Giá mua VND/Đơn vị quỹ | Giá bán VND/Đơn vị quỹ | VND | Số đơn vị quỹ | VND | Số đơn vị quỹ | Giá mua VND/Đơn vị quỹ | Giá bán VND/Đơn vị quỹ | |
| Quỹ Tăng Trưởng | 83.138.231.883 | 4.901.079,71 | 16.963,25 | 16.963,25 | 128.582.917.195 | 5.534.340,89 | 211.721.149.078 | 10.435.420,61 | 20.288,70 | 20.288,70 | |
| Quỹ Phát Triển | 70.971.219.748 | 4.487.959,71 | 15.813,69 | 15.813,69 | 17.762.885.028 | 383.232,52 | 88.734.104.776 | 4.871.192,24 | 18.216,10 | 18.216,10 | |
| Quỹ Bảo Toàn | 28.984.025.850 | 2.216.523,16 | 13.076,35 | 13.076,35 | 3.942.938.549 | 155.491,60 | 32.926.964.399 | 2.372.014,76 | 13.881,43 | 13.881,43 | |
| Quỹ Đảm Bảo | 8.575.594.754 | 717.312,06 | 11.955,18 | 11.955,18 | 859.014.249 | 34.172,97 | 9.434.609.003 | 751.485,03 | 12.554,62 | 12.554,62 | |
| Quỹ Thịnh Vượng | 2.939.591.199 | 213.042,96 | 13.798,11 | 13.798,11 | 648.637.870 | 4.383,51 | 3.588.229.069 | 217.426,48 | 16.503,18 | 16.503,18 | |
| | 194.608.663.434 | 12.535.917,60 | | | 151.796.392.891 | 6.111.621,50 | 346.405.056.325 | 18.647.539,11 | | | |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Tài sản | Quỹ Tăng Trưởng VND | Quỹ Phát Triển VND | Quỹ Bảo Toàn VND | Quỹ Đảm Bảo VND | Quỹ Thịnh Vượng VND | Tổng cộng VND |
|--------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 18.175.037.019 | 3.427.438.125 | 7.546.778 | 18.806.597 | 308.028.728 | 21.936.857.247 |
| Chi tiết danh mục đầu tư | 193.557.678.077 | 85.311.515.585 | 32.919.866.576 | 9.498.242.220 | 3.280.396.361 | 324.567.698.819 |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn | - | 1.389.012.603 | 32.919.866.576 | 1.889.425.097 | - | 36.198.304.276 |
| ▪ Trái phiếu Chính phủ | - | 47.691.430.820 | - | 7.608.817.123 | - | 55.300.247.943 |
| ▪ Cổ phiếu niêm yết | 193.557.678.077 | 36.231.072.162 | - | - | 3.280.396.361 | 233.069.146.600 |
| Tài sản khác | (11.566.018) | (4.848.934) | (448.955) | (82.439.814) | (196.020) | (99.499.741) |
| Tổng tài sản | 211.721.149.078 | 88.734.104.776 | 32.926.964.399 | 9.434.609.003 | 3.588.229.069 | 346.405.056.325 |

BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mô tả | Quỹ Tăng Trưởng VND | Quỹ Phát Triển VND | Quỹ Bảo Toàn VND | Quỹ Đảm Bảo VND | Quỹ Thịnh Vượng VND | Tổng VND |
|---|------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|------------------------|
| Thu nhập/doanh thu | | | | | | |
| Phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ liên kết Đơn vị | 143.263.150.015 | 22.982.422.436 | 11.328.064.919 | 424.693.979 | 57.368.329 | 178.055.699.678 |
| Thu nhập đầu tư từ hoạt động đầu tư | 36.170.995.136 | 13.207.601.614 | 1.943.440.672 | 922.752.306 | 654.764.319 | 52.899.554.047 |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn | - | 91.628.603 | 1.943.440.672 | 108.406.741 | - | 2.143.476.016 |
| ▪ Trái phiếu chính phủ | - | 5.510.643.697 | - | 814.345.565 | - | 6.324.989.262 |
| ▪ Cổ phiếu | 36.170.995.136 | 7.605.329.314 | - | - | 654.764.319 | 44.431.088.769 |
| Thu nhập khác | 502.941.000 | 124.280.800 | 75.364.800 | - | - | 702.586.600 |
| Tổng thu nhập/doanh thu (1) | 179.937.086.151 | 36.314.304.850 | 13.346.870.391 | 1.347.446.285 | 712.132.648 | 231.657.840.325 |
| Chi phí | | | | | | |
| Phí bảo hiểm rủi ro | 34.607.077.682 | 11.707.438.156 | 7.124.165.762 | 6.641.100 | - | 53.445.322.700 |
| Phí quản lý hợp đồng | 2.698.924.018 | 899.923.244 | 549.726.438 | - | - | 4.148.573.700 |
| Phí chuyển đổi quỹ | - | - | 2.200.000 | - | - | 2.200.000 |
| Phí hủy hợp đồng | 11.676.978.800 | 4.414.373.200 | 1.575.261.800 | - | - | 17.666.613.800 |
| Phí quản lý quỹ | 2.127.338.502 | 1.466.477.082 | 150.143.102 | 481.168.996 | 56.597.659 | 4.281.725.341 |
| Phí hoạt động đầu tư | 243.849.954 | 63.208.140 | 2.434.740 | 621.940 | 6.897.119 | 317.011.893 |
| Tổng chi phí (2) | 51.354.168.956 | 18.551.419.822 | 9.403.931.842 | 488.432.036 | 63.494.778 | 79.861.447.434 |
| Chênh lệch giữa doanh thu và chi phí [(3) = (1) - (2)] | 128.582.917.195 | 17.762.885.028 | 3.942.938.549 | 859.014.249 | 648.637.870 | 151.796.392.891 |
| Thu nhập chưa phân chia chuyển từ năm trước sang | - | - | - | - | - | - |
| Thu nhập phân chia | - | - | - | - | - | - |
| ▪ Cho chủ hợp đồng | - | - | - | - | - | - |
| ▪ Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ) | - | - | - | - | - | - |
| ▪ Cho Chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ môi) | - | - | - | - | - | - |
| Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau | 128.582.917.195 | 17.762.885.028 | 3.942.938.549 | 859.014.249 | 648.637.870 | 151.796.392.891 |

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH KPMG



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

**Kính gửi Hội đồng Thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo Tình hình Hoạt động của các Quỹ Liên kết đơn vị của Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam ("Công ty") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các thuyết minh kèm theo ("Báo cáo"). Báo cáo này đã được Ban Giám đốc Công ty lập và trình bày phù hợp với các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, được trình bày từ trang 4 đến trang 10.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo phù hợp với các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 – *Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính quá khứ*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo, xét trên phương diện tổng thể không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Việc soát xét Báo cáo theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá các bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong cuộc soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo.

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH KPMG



Kết luận của kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo Tình hình Hoạt động của các Quỹ Liên kết đơn vị của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã không được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

Cơ sở lập Báo cáo và Hạn chế sử dụng

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2(a) của Báo cáo trong đó có mô tả là Báo cáo này được lập để Công ty tuân thủ các quy định về báo cáo tài chính của Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2012 ("Thông tư 135") do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị. Do đó, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác. Báo cáo soát xét của chúng tôi chỉ nhằm mục đích để Công ty nộp cho Bộ Tài chính và công bố thông tin theo quy định của Thông tư 135 và không nhằm sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Vấn đề khác

Phần Phân tích tình hình hoạt động của các Quỹ Liên kết đơn vị cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày từ trang 11 đến trang 18 không phải là một phần của Báo cáo Tình hình Hoạt động của các Quỹ Liên kết đơn vị được soát xét. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về những thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00225-21-6



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021